

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐẠT CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B - Kỳ kiểm tra: 18/12/2016

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-LTT ngày...../...../2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP. HCM về việc cấp chứng chỉ tiếng Anh trình độ B)

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Kết quả	Xếp loại
1	BK080003	14D2050002	Nguyễn Văn	An	10/10/1996	Bình Định	14CD-OT01	5,0	Trung bình
2	BK080004	13D2010002	Bùi Thiên	Ân	28/07/1995	TP.Hồ Chí Minh	13CD-CK3	6,0	Trung bình
3	BK080005	14D301Đ027	Nguyễn Thanh	Ân	01/01/1995	Bến Tre	14CD-ĐC02	6,5	Trung bình
4	BK080006	12D2010005	Đỗ Huỳnh Duy	Anh	01/10/1994	Tp.Hồ Chí Minh	12CD-CK1	7,5	Khá
5	BK080007	14D2050047	Lương Quốc	Anh	28/01/1996	Tây Ninh	14CD-OT04	6,0	Trung bình
6	BK080010	14D2050050	Trần Anh	Bằng	06/03/1996	Bình Thuận	14CD-OT02	6,5	Trung bình
7	BK080011	14D301Đ030	Hồ Gia	Bảo	25/05/1996	Quảng Ngãi	14CD-ĐC01	6,5	Trung bình
8	BK080012	13D301Đ009	Võ Thành	Bảo	26/03/1995	Quảng Ngãi	13CD-Đ1	6,0	Trung bình
9	BK080016	14D201P017	Ngô Tấn Minh	Công	18/01/1996	Đồng Nai	14CD-TP01	6,0	Trung bình
10	BK080017	14D2050057	Võ Chí	Công	20/02/1996	Quảng Ngãi	14CD-OT03	6,5	Trung bình
11	BK080018	14D2050061	Lê Văn	Cương	29/02/1996	Quảng Ngãi	14CD-OT03	6,5	Trung bình
12	BK080019	14D2050003	Trần Minh	Cường	23/05/1996	Bình Định	14CD-OT01	5,5	Trung bình
13	BK080020	13D2010029	Nguyễn Phương	Đài	22/11/1995		14CD-CK01	6,0	Trung bình
14	BK080021		Võ Đình	Đăng	20/12/1996	Quảng Ngãi	14CD-ĐC02	5,5	Trung bình
15	BK080022	14D2050073	Đỗ Văn	Đạo	14/04/1995	Đắk Lắk	14CD-OT03	5,5	Trung bình
16	BK080023	13D2010031	Cao Nguyễn Mẫn	Đạt	24/08/1995		14CD-CK03	6,5	Trung bình
17	BK080024	14D3010003	Nguyễn Quốc	Đạt	06/07/1994	Quảng Ngãi	14CD-ĐT01	6,0	Trung bình
18	BK080026	14D201M015	Phạm Thành	Đạt	27/02/1995	Bình Định	14CD-TM01	5,5	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Kết quả	Xếp loại
19	BK080027	14D301Đ039	Trần Văn	Đạt	10/11/1996	Quảng Ngãi	14CD-ĐC02	5,5	Trung bình
20	BK080028	14D2010038	Trương Công	Đạt	27/01/1996	Bình Thuận	14CD-CK03	5,5	Trung bình
21	BK080029	14D2010039	Vũ Quốc	Đạt	28/07/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-CK01	5,5	Trung bình
22	BK080030	14D2040011	Nguyễn Thị Phương	Điểm	27/10/1995	Đồng Nai	14CD-MT01	5,5	Trung bình
23	BK080031	14D2050295	Hồ Quốc	Dinh	12/03/1996	Lâm Đồng	14CD-OT02	5,0	Trung bình
24	BK080032	14D301Đ103	Vũ Văn	Độ	20/01/1996	Cà Mau	14CD-ĐC02	5,5	Trung bình
25	BK080033	14D2010041	Nguyễn Thành	Đông	07/11/1996	An Giang	14CD-CK03	5,0	Trung bình
26	BK080034	14D2050082	Nguyễn Tiến	Đông	04/07/1996	Bình Thuận	14CD-OT02	5,5	Trung bình
27	BK080035	14D301Đ098	Nguyễn Kiều Vũ	Du	07/01/1995	Bình Thuận	14CD-ĐC02	6,0	Trung bình
28	BK080040	14D2010003	Nguyễn Thị Thùy	Dương	05/01/1996	Bắc Giang	14CD-CK01	5,0	Trung bình
29	BK080041	14D201P018	Nguyễn Văn	Dương	12/03/1994	Thanh Hoá	14CD-TP01	5,0	Trung bình
30	BK080042	14D2060008	Trần Đơn	Dương	18/02/1996	Bình Định	14CD-NL01	6,0	Trung bình
31	BK080043	14D2050066	Nguyễn Văn	Dưỡng	25/01/1996	Nam Định	14CD-OT05	6,0	Trung bình
32	BK080044	14D201P019	Lê Thái	Duy	06/11/1995	Ninh Thuận	14CD-TP02	5,5	Trung bình
33	BK080045	14D2050284	Nguyễn Ngọc	Duy	13/06/1996	Bình Thuận	14CD-OT05	6,0	Trung bình
34	BK080047	14D2050071	Trần Đức	Duy	21/01/1996	Đồng Nai	14CD-OT01	6,0	Trung bình
35	BK080048	14D201M017	Lê Văn	Giản	05/06/1996	Quảng Ngãi	14CD-TM01	6,0	Trung bình
36	BK080050	14D2010045	Nguyễn Sỹ	Hải	11/01/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CD-CK03	5,5	Trung bình
37	BK080051	14D2010005	Phan Giáp	Hải	27/04/1994	Bình Thuận	14CD-CK01	5,5	Trung bình
38	BK080053	14D2060011	Nguyễn Nhật	Hào	06/01/1995	Cần Thơ	14CD-NL01	5,0	Trung bình
39	BK080054	14D201P023	Đỗ Thanh	Hậu	15/10/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CD-TP02	5,0	Trung bình
40	BK080055	14D2010050	Lê Phúc	Hậu	10/11/1996	Tây Ninh	14CD-CK01	6,0	Trung bình
41	BK080056	14D201P067	Nguyễn Công	Hậu	06/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-TP02	5,0	Trung bình
42	BK080059	14D3010004	Lê Minh	Hiếu	01/05/1996	Thanh Hoá	14CD-ĐT01	5,0	Trung bình
43	BK080065	14D2060013	Võ Hoàng	Hoa	01/01/1996	Trà Vinh	14CD-NL01	5,0	Trung bình
44	BK080067	14D301Đ044	Nguyễn Văn	Hóa	14/04/1996	Long An	14CD-ĐC01	5,0	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Kết quả	Xếp loại
45	BK080068	14D301Đ046	Vũ Thái	Hòa	04/01/1993	Đồng Nai	14CD-ĐC01	5,5	Trung bình
46	BK080069	14D2050016	Lê Minh	Hoàng	25/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-OT01	6,0	Trung bình
47	BK080070	14D301Đ049	Tạ Linh	Hoạt	11/10/1996	Bình Thuận	14CD-ĐC02	6,0	Trung bình
48	BK080073	14D2050102	Nguyễn Xil	Hual	16/06/1996	Đồng Tháp	14CD-OT02	5,5	Trung bình
49	BK080074	13D2040838	Lê Tiến	Hùng	24/10/1995	Đà Nẵng	12CD-TM1	6,0	Trung bình
50	BK080075	14D2050017	Đào Duy	Hưng	21/09/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-OT01	6,5	Trung bình
51	BK080076	14D2040017	Lại Thị Tuyết	Hương	11/07/1996	Nam Định	14CD-MT01	6,0	Trung bình
52	BK080077	14D2040018	Nguyễn Thu	Hương	25/07/1996	Hung Yên	14CD-MT01	6,0	Trung bình
53	BK080078	14D201P027	Nguyễn Trọng	Hữu	20/10/1994	Lâm Đồng	14CD-TP02	5,0	Trung bình
54	BK080079	14D2010067	Đỗ Ngọc	Huy	04/03/1996	Bình Định	14CD-CK01	6,5	Trung bình
55	BK080080	14D2050107	Dương Quốc	Huy	20/10/1994	Bắc Giang	14CD-OT02	6,0	Trung bình
56	BK080081	14D2050265	Hoàng Thiện	Huy	06/01/1996	Long An	14CD-OT01	5,5	Trung bình
57	BK080082	14D2050266	Lâm Sĩ	Huy	01/07/1995	Bến Tre	14CD-OT02	6,0	Trung bình
58	BK080083	14D2050108	Lê Công	Huy	25/12/1993	Đắk Lắk	14CD-OT03	5,5	Trung bình
59	BK080084	14D2010069	Nguyễn Đình	Huy	03/01/1996	Bình Định	14CD-CK03	5,5	Trung bình
60	BK080086	14D2040002	Phạm Thị Mỹ	Huyền	01/12/1996	Quảng Ngãi	14CD-MT01	6,0	Trung bình
61	BK080087	13D201P032	Phạm Điền	Kha	34342	Tiền Giang	13CD-TP2	6,5	Trung bình
62	BK080088	13D2010085	Lê Quốc	Khánh	02/09/1994	Tây Ninh	13CD-CK4	6,0	Trung bình
63	BK080089	14D201P081	Hoàng Thái Xuân	Khôi	11/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-TP02	6,0	Trung bình
64	BK080090	14D201P029	Dương Tuấn	Kiệt	03/06/1996	Hải Phòng	14CD-TP02	6,5	Trung bình
65	BK080091	14D2010077	Phạm Viêt	Kiệt	21/02/1996	Lâm Đồng	14CD-CK03	6,0	Trung bình
66	BK080092	14D201M003	Phún Vũ	Kiệt	21/01/1996	Lâm Đồng	14CD-TM01	6,0	Trung bình
67	BK080093	14D2040020	Nguyễn Thị	Lài	20/09/1996	Quảng Nam	14CD-MT01	5,5	Trung bình
68	BK080094	14D2010008	Trần Thanh	Lâm	26/10/1996	Đồng Nai	14CD-CK01	5,0	Trung bình
69	BK080095	14D201P030	Nguyễn An	Lành	01/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-TP01	6,5	Trung bình
70	BK080096	14D3010050	Đoàn Văn	Linh	01/03/1996	Nam Định	14CD-ĐT01	6,0	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Kết quả	Xếp loại
71	BK080097	14D2050127	Lê Minh Vũ	Linh	17/06/1996	Tiền Giang	14CD-OT02	6,0	Trung bình
72	BK080098	13D2050263	Nguyễn Hồng	Linh	23/09/1995		14CD-OT03	7,5	Khá
73	BK080099	14D3010051	Lương Quốc	Lộc	12/10/1995	Bình Phước	14CD-ĐT02	6,5	Trung bình
74	BK080100	14D2060045	Phan Hữu	Lộc	17/02/1996	Bến Tre	14CD-NL01	6,0	Trung bình
75	BK080101	14D2010084	Trần Tấn	Lộc	25/10/1995	Bình Thuận	14CD-CK02	6,5	Trung bình
76	BK080102	14D3010052	Hoàng Văn Thanh	Long	03/09/1996	Bình Thuận	14CD-ĐT01	6,0	Trung bình
77	BK080103	14D2010010	Tạ Thanh	Long	08/01/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CD-CK01	5,5	Trung bình
78	BK080104	13D2010110	Phó Đại	Luôn	30/11/1994		14CD-CK01	5,5	Trung bình
79	BK080105	14D2010087	Nguyễn Huỳnh Công	Lý	07/07/1996	Long An	14CD-CK01	5,0	Trung bình
80	BK080106	14D2040004	Võ Thị Hà	Mi	24/06/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-MT01	7,0	Khá
81	BK080107	14D3010055	Chuong Hoàng	Minh	07/03/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-ĐT02	7,0	Khá
82	BK080108	14D2010091	Lê Ngô Nhật	Minh	02/09/1996	Ninh Thuận	14CD-CK01	5,5	Trung bình
83	BK080109	14D3010056	Nguyễn Nhật	Minh	05/06/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CD-ĐT01	5,5	Trung bình
84	BK080110	14D2050027	Nguyễn Tuấn	Minh	06/08/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-OT01	6,0	Trung bình
85	BK080111	13D201P108	Phạm Hoàng	Minh	25/04/1994	Bình Thuận	13CD-TP1	5,5	Trung bình
86	BK080112	13D2010120	Bế Ngọc Hoàng	Nam	29/03/1995	TP.Hồ Chí Minh	13CD-CK3	5,5	Trung bình
87	BK080113	14D2010093	Nguyễn Hải	Nam	20/06/1996	Bình Thuận	14CD-CK03	5,5	Trung bình
88	BK080114	14D2050138	Nguyễn Hữu	Năm	07/07/1995	Bình Thuận	14CD-OT03	6,5	Trung bình
89	BK080115	14D2050029	Nguyễn Đỗ Trọng	Nghĩa	09/07/1996	Đồng Nai	14CD-OT01	6,5	Trung bình
90	BK080116	14D2050142	Nguyễn Hữu	Nghĩa	05/02/1996	Long An	14CD-OT02	6,0	Trung bình
91	BK080117	14D2010095	Nguyễn Trọng	Nghĩa	29/03/1996	Bình Thuận	14CD-CK01	6,5	Trung bình
92	BK080118	14D2040023	Lê Thị Bích	Ngoan	06/05/1996	Quảng Ngãi	14CD-MT01	6,0	Trung bình
93	BK080119	14D2050280	Nguyễn Thái	Nguyên	31/10/1996	Ninh Thuận	14CD-OT02	5,5	Trung bình
94	BK080120	14D2010097	Bùi Thị	Nguyệt	21/09/1995	Hà Tĩnh	14CD-CK01	5,5	Trung bình
95	BK080124	14D2010012	Nguyễn Trọng	Nhân	12/02/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-CK01	5,0	Trung bình
96	BK080125	14D2050152	Phạm Minh	Nhật	16/10/1996	Đồng Nai	14CD-OT02	6,0	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Kết quả	Xếp loại
97	BK080126	14D2040006	Võ Thị Hồng	Nhiên	09/03/1995	Đồng Tháp	14CĐ-MT01	5,0	Trung bình
98	BK080127	14D3010009	Lê Văn	Nhỏ	24/02/1996	Bình Phước	14CĐ-ĐT01	6,5	Trung bình
99	BK080128	14D3010066	Đặng Minh	Nhựt	20/10/1995	Tiền Giang	14CĐ-ĐT02	6,5	Trung bình
100	BK080131	14D3010010	Dương Văn	Phát	01/10/1996	Bình Định	14CĐ-ĐT01	6,5	Trung bình
101	BK080132	13D201P074	Lâm Nhật	Phát	15/03/1995		14CĐ-TP02	7,0	Khá
102	BK080133	14D2050031	Lưu Tấn	Phát	20/11/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT01	6,5	Trung bình
103	BK080134	14D2060021	Phạm Nguyễn Tấn	Phát	19/01/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-NL01	7,0	Khá
104	BK080135	14D2050157	Trần Văn	Phát	13/03/1996	Đồng Nai	14CĐ-OT02	5,5	Trung bình
105	BK080136	14D2010107	Trương Mạnh	Phi	05/09/1996	Tây Ninh	14CĐ-CK01	6,5	Trung bình
106	BK080137	14D301Đ063	Bùi Quốc	Phong	21/01/1996	Bình Thuận	14CĐ-ĐC02	6,5	Trung bình
107	BK080138	14D2060023	Nguyễn Phong	Phú	10/04/1995	Vĩnh Long	14CĐ-NL01	7,5	Khá
108	BK080139	14D2010110	Trần Tân	Phú	20/06/1995	Đồng Nai	14CĐ-CK02	5,5	Trung bình
109	BK080140	13D201P057	Huỳnh Ngọc Hoàng	Phúc	12/11/1994	Long An	13CĐ-TP1	6,0	Trung bình
110	BK080141	14D2050163	Lê Minh	Phúc	08/11/1996	Tiền Giang	14CĐ-OT03	6,5	Trung bình
111	BK080142	14D301Đ066	Nguyễn Hữu	Phúc	08/04/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-ĐC01	6,0	Trung bình
112	BK080143	14D3010068	Nguyễn Trần Thanh	Phúc	10/07/1995	Ninh Thuận	14CĐ-ĐT01	6,0	Trung bình
113	BK080144	12D3010096	Phạm Minh	Phúc	13/07/1994		14CĐ-ĐT01	6,0	Trung bình
114	BK080145	14D3010069	Hồ Duy	Phước	01/06/1995	Quảng Ngãi	14CĐ-ĐT02	6,5	Trung bình
115	BK080146	13D3010194	Võ Duy	Phước	05/03/1995	Gia Lai	13CĐ-ĐT2	5,5	Trung bình
116	BK080147	14D2060024	Phạm Đình	Phương	08/03/1995	Đồng Nai	14CĐ-NL01	6,5	Trung bình
117	BK080148	14D2010113	Mai Nguyễn Anh	Quân	26/02/1994	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-CK03	5,0	Trung bình
118	BK080149	14D2010017	Lê Văn	Sang	22/10/1996	Đồng Nai	14CĐ-CK01	5,5	Trung bình
119	BK080150	14D3010074	Lê Văn	Sang	02/01/1996	Quảng Ngãi	14CĐ-ĐT01	6,0	Trung bình
120	BK080151	14D2010119	Nguyễn Đoàn	Sang	02/08/1996	Bình Định	14CĐ-CK02	6,0	Trung bình
121	BK080152	14D301Đ069	Nguyễn Đức	Sang	15/10/1996	Bình Định	14CĐ-ĐC02	5,5	Trung bình
122	BK080154	13D3010103	Trần Quang	Sáng	05/12/1995	Tây Ninh	13CĐ-ĐT2	6,0	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Kết quả	Xếp loại
123	BK080155	14D301Đ012	Nguyễn Văn	Sinh	11/11/1996	Hà Tĩnh	14CĐ-ĐC01	7,5	Khá
124	BK080156	14D3010077	Huỳnh Bằng	Son	28/11/1995	Tây Ninh	14CĐ-ĐT01	7,0	Khá
125	BK080157	14D2050036	Lê Nguyễn Thanh	Son	21/12/1996	Phú Yên	14CĐ-OT01	7,0	Khá
126	BK080159	14D201P046	Trần Thị Thu	Tâm	16/03/1994	Đồng Nai	14CĐ-TP02	7,0	Khá
127	BK080160	14D2050038	Lưu Nhật	Tân	13/06/1996	Lâm Đồng	14CĐ-OT01	5,0	Trung bình
128	BK080165	14D2010018	Dương Quốc	Thắng	11/11/1996	Khánh Hoà	14CĐ-CK01	5,0	Trung bình
129	BK080170	14D2060028	Đỗ Bá	Thành	18/08/1995	Tiền Giang	14CĐ-NL01	5,0	Trung bình
130	BK080173	14D2050286	Phạm Nguyễn Huy	Thành	11/02/1992	Khánh Hoà	14CĐ-OT03	6,0	Trung bình
131	BK080174	14D2040036	Ngô Thị Thu	Thảo	22/02/1996	Đồng Nai	14CĐ-MT01	5,5	Trung bình
132	BK080176	14D2010131	Phạm Mạnh	Thi	03/07/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-CK02	5,5	Trung bình
133	BK080177	14D2010132	Huỳnh Công	Thiện	26/11/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-CK03	5,0	Trung bình
134	BK080178	14D2050278	Nguyễn Xuân	Thiện	06/02/1994	Đắk Lắk	14CĐ-OT01	5,5	Trung bình
135	BK080180	14D2010135	Trần Vinh	Thịnh	12/05/1996	Quảng Nam	14CĐ-CK03	5,5	Trung bình
136	BK080181	14D3010086	Võ Thành	Thôi	25/02/1996	Quảng Ngãi	14CĐ-ĐT01	5,5	Trung bình
137	BK080182	14D2040034	Đỗ Thị Mộng	Thu	28/09/1996	Đồng Nai	14CĐ-MT01	6,0	Trung bình
138	BK080183	14D2040029	Lâm Anh	Thư	06/04/1996	Bến Tre	14CĐ-MT01	6,5	Trung bình
139	BK080184	14D2060029	Bùi Văn	Thuận	06/06/1996	Bình Định	14CĐ-NL01	5,0	Trung bình
140	BK080185	13D2010210	Đào Minh	Thuận	07/04/1994		13CĐ-CK3	5,5	Trung bình
141	BK080187	14D201P051	Huỳnh Châu Minh	Thuận	25/09/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TP02	7,5	Khá
142	BK080188	14D2010139	Lê Hiệp	Thuận	10/02/1991	Quảng Ngãi	14CĐ-CK03	5,5	Trung bình
143	BK080189	14D301Đ016	Huỳnh Hữu	Thức	18/08/1996	Bình Thuận	14CĐ-ĐC01	5,0	Trung bình
144	BK080190	14D3010089	Nguyễn Minh	Thương	25/11/1995	Bến Tre	14CĐ-ĐT02	5,5	Trung bình
145	BK080191	13D2010213	Phạm Văn	Thủy	12/01/1995	Long Hà, Bình Phước	13CĐ-CK1	5,0	Trung bình
146	BK080192	14D2010141	Võ Duy Thái	Thụy	14/09/1996	Bến Tre	14CĐ-CK03	6,0	Trung bình
147	BK080193	14D2040030	Lê Thị Cẩm	Tiên	15/06/1996	Long An	14CĐ-MT01	6,0	Trung bình
148	BK080195	14D2050211	Vũ Đức	Tiến	12/09/1996	Đồng Nai	14CĐ-OT02	5,0	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Kết quả	Xếp loại
149	BK080196	14D2050207	Trần Hữu	Tiền	20/10/1996	Bình Định	14CD-OT02	5,0	Trung bình
150	BK080198	14D2010144	Lê Trung	Tín	23/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-CK03	5,0	Trung bình
151	BK080199	13D201P089	Nguyễn Văn	Tín	29/01/1995		13CD-TP2	6,0	Trung bình
152	BK080200	14D2010146	Võ Trung	Tín	30/11/1996	Tiền Giang	14CD-CK02	6,5	Trung bình
153	BK080201	14D2010147	Đặng Ngọc	Tinh	30/01/1996	Bình Thuận	14CD-CK03	8,0	Giỏi
154	BK080202	13D2050218	Nguyễn Lê Phước	Toàn	34859	TP.Hồ Chí Minh	13CD-Ô3	8,5	Giỏi
155	BK080203	14D3010012	Nguyễn Văn	Toàn	06/06/1996	Quảng Ngãi	14CD-ĐT01	7,5	Khá
156	BK080204	14D2010148	Trần Minh	Toàn	27/03/1995	Quảng Ngãi	14CD-CK03	7,0	Khá
157	BK080205	14D2050218	Trương Ngọc	Toàn	06/12/1994	Lâm Đồng	14CD-OT03	6,0	Trung bình
158	BK080206	14D2010149	Nguyễn Văn	Tối	10/05/1996	Bình Định	14CD-CK02	6,5	Trung bình
159	BK080207	14D301Đ082	Hà Minh	Trí	23/10/1996	Bình Thuận	14CD-ĐC02	6,0	Trung bình
160	BK080208	14D301Đ083	Nguyễn Huỳnh	Triết	11/04/1996	Tiền Giang	14CD-ĐC02	7,0	Khá
161	BK080209	14D2010154	Nguyễn Hùng	Triều	20/11/1996	Đồng Nai	14CD-CK02	6,5	Trung bình
162	BK080210	14D2010152	Lộ Tiểu Bình	Triệu	20/10/1996	Ninh Thuận	14CD-CK02	7,5	Khá
163	BK080211	14D2040037	Trần Thị Diễm	Trinh	25/09/1995	Đồng Nai	14CD-MT01	7,5	Khá
164	BK080212	14D2010156	Huỳnh Kim	Trọng	10/02/1996	Đắk Lắk	14CD-CK03	8,0	Giỏi
165	BK080213	14D201P054	Nguyễn Hữu	Trọng	02/04/1996	Tiền Giang	14CD-TP01	7,0	Khá
166	BK080214	14D2050226	Trần Hoài	Trọng	12/07/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-OT04	7,5	Khá
167	BK080215	14D301Đ085	Phùng Minh	Trụ	29/04/1996	Quảng Ngãi	14CD-ĐC02	7,0	Khá
168	BK080216	14D2050227	Bùi Vĩnh	Trực	03/12/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CD-OT02	7,0	Khá
169	BK080217	14D301Đ018	Đặng Thành	Trung	26/02/1996	Bình Định	14CD-ĐC01	6,5	Trung bình
170	BK080218	14D2010157	Mai Thanh	Trung	02/08/1996	Bình Định	14CD-CK03	6,5	Trung bình
171	BK080219	13D2050228	Nguyễn Minh	Trung	03/11/1995		13CD-Ô3	7,0	Khá
172	BK080220	14D2060002	Nguyễn Minh	Trung	22/08/1996	Cần Thơ	14CD-NL01	7,5	Khá
173	BK080221	14D2010159	Vũ Thành	Trung	16/08/1996	Lâm Đồng	14CD-CK03	7,5	Khá
174	BK080222	14D301Đ086	Võ Văn	Trung	01/06/1996	Bình Thuận	14CD-ĐC02	7,0	Khá

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Kết quả	Xếp loại
175	BK080223	14D301Đ020	Hồ Việt	Trường	05/08/1994	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-ĐC01	6,5	Trung bình
176	BK080224	14D2050231	Nguyễn Nhật	Trường	17/06/1996	Tiền Giang	14CD-OT02	6,0	Trung bình
177	BK080225	14D3010013	Trần Công	Trường	13/03/1996	Long An	14CD-ĐT01	7,0	Khá
178	BK080226	14D3010118	Đỗ Nguyễn Cao Anh	Tú	16/04/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CD-ĐT01	6,5	Trung bình
179	BK080227	14D2050233	Lê Đình	Tú	02/04/1996	Bình Thuận	14CD-OT03	6,5	Trung bình
180	BK080228	14D2060038	Nguyễn Lê Anh	Tú	22/04/1996	Đồng Nai	14CD-NL01	7,0	Khá
181	BK080229	14D301Đ087	Phan Văn	Tứ	20/10/1996	Bình Thuận	14CD-ĐC02	7,0	Khá
182	BK080230	14D2010021	Ngô Huỳnh Minh	Tự	03/01/1996	Đồng Nai	14CD-CK01	6,5	Trung bình
183	BK080231	14D201P058	Nguyễn Ngọc	Tuân	20/08/1996	Bình Định	14CD-TP01	7,5	Khá
184	BK080232	14D301Đ112	Đàm Việt	Tuấn	25/11/1995	Đắk Lắk	14CD-ĐC02	6,5	Trung bình
185	BK080233	14D2010161	Đỗ Đức Anh	Tuấn	12/04/1996	Lâm Đồng	14CD-CK02	7,0	Khá
186	BK080234	14D3010120	Lê Văn	Tuấn	01/01/1996	Đồng Tháp	14CD-ĐT02	7,5	Khá
187	BK080235	14D2010162	Nguyễn Anh	Tuấn	10/11/1996	Bình Thuận	14CD-CK03	7,0	Khá
188	BK080237	14D2010165	Trần Quốc	Tuấn	27/12/1994	Bình Thuận	14CD-CK03	7,0	Khá
189	BK080238	14D2050241	Lê Hoàng Thanh	Tùng	02/05/1995	Đồng Nai	14CD-OT02	6,5	Trung bình
190	BK080239	14D2050243	Phan Thanh	Tùng	19/11/1996	Đắk Lắk	14CD-OT03	6,5	Trung bình
191	BK080240	14D301Đ089	Võ Thanh	Tùng	18/10/1996	Bình Thuận	14CD-ĐC02	6,0	Trung bình
192	BK080242	14D301Đ091	Hồ Hữu	Vân	08/05/1995	Bình Thuận	14CD-ĐC02	5,0	Trung bình
193	BK080244	13D2010254	Nguyễn Tấn	Viên	14/08/1995	Bình Sơn, Quảng Ngãi	13CD-CK2	5,5	Trung bình
194	BK080245		Trần Tuấn	Viên	22/05/1995		13CD-Đ3	5,5	Trung bình
195	BK080247	14D301Đ092	Nguyễn Mạnh Thanh	Vinh	16/12/1996	Bình Thuận	14CD-ĐC02	6,5	Trung bình
196	BK080249	13D2010260	Từ Quang	Vinh	27/07/1995	TP.Hồ Chí Minh	13CD-CK3	5,5	Trung bình
197	BK080250	14D301Đ093	Trương Lãm	Vĩnh	22/10/1996	Trà Vinh	14CD-ĐC02	5,0	Trung bình
198	BK080251	13D2050258	Đỗ Hoàng Minh	Vũ	27/11/1995	TP.Hồ Chí Minh	13CD-Ô3	5,0	Trung bình
199	BK080252	14D201P062	Lê Đình Nhật	Vũ	21/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-TP02	6,5	Trung bình
200	BK080254	14D2040031	Lê Thị Kim	Vui	06/01/1996	Đồng Nai	14CD-MT01	5,0	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Kết quả	Xếp loại
201	BK080256	14D2010174	Phạm Quốc	Vương	12/11/1996	Quảng Ngãi	14CD-CK03	5,0	Trung bình
202	BK080259	14D2050172	Nguyễn Quốc	Quy	24/09/1996	Long An	14CD-OT02	6,5	Trung bình
203	BK080261	14D2060031	Nguyễn Tân	Tiền	17/10/1996	Bình Phước	14CD-NL01	5,5	Trung bình
204	BK080262	12D3010169	Trần Thanh	Tùng	01/01/1994	Tp.Hồ Chí Minh	12CD-ĐT1	6,0	Trung bình
205	BK080265	14D201M024	Nguyễn Thanh	Ngân	26./05/1996	Ninh Thuận	14CD-TM01	5,0	Trung bình
206	BK080266		Nguyễn Tiến	Thành			12CD-O1	5,0	Trung bình
207	BK080267	14D201M004	Nguyễn Thành	Nhơn	09.08.96	Ninh Thuận	14CD-TM01	5,0	Trung bình
208	BK080270	14D301Đ084	Trần Văn	Trình	28.10.95	Bình Thuận	14CD-ĐC02	5,5	Trung bình

Tổng cộng danh sách có 208 thí sinh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG